

# ĐỀ ÁN KIỂM SOÁT DÂN SỐ CÁC VÙNG BIỂN, ĐẢO VÀ VEN BIỂN

**Đỗ Ngọc Tấn**

*Vụ trưởng Vụ DS-KHHGD*

*Giám đốc Ban quản lý Đề án 52*

Việt Nam là một trong 10 nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp với biển Đông. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của khoảng 300 triệu người và là con đường chiến lược giao lưu và thương mại quốc tế nhộn nhịp thứ hai trên thế giới chỉ sau Địa Trung hải.

Việt Nam có 148 huyện thuộc các vùng ven biển, đảo và ven biển (102 huyện ven biển, 34 quận, thị xã, thành phố ven biển trực thuộc tỉnh và 12 huyện đảo) thuộc 28 tỉnh (25 tỉnh và 3 thành phố trực thuộc trung ương) có diện tích tự nhiên là 65.312 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 20% diện tích cả nước. Vùng biển nước ta rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup>; bờ biển dài 3.260 km; có khoảng 3.000 hòn đảo, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc bộ.

Việt Nam thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, một trong năm ổ bão của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thường xuyên đối mặt với thiên tai; 80% đến 90% dân số Việt Nam chịu ảnh hưởng của bão. Mười năm gần đây, thiên tai đã làm chết và mất tích khoảng 7.500 người, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 1,5 lần GDP một năm của cả nước. Tình trạng xâm nhập mặn diễn ra ở ba vùng biển là Bắc Trung bộ - Duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ, tác động không nhỏ tới đời sống của nhiều người dân<sup>1</sup>.

Kinh tế biển và vùng ven biển chiếm hơn 48% GDP của cả nước; riêng kinh tế biển chiếm 22% GDP của cả nước (2005)<sup>2</sup>. Hoạt động kinh tế trên biển chiếm 98% kinh tế biển, chia ra khai thác dầu khí 64%; hải sản 14%; hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển) 11%; du lịch biển 9%.

Vùng biển, đảo và ven biển nước ta có dân cư tập trung đông, nguồn nhân lực khá dồi dào. 148 huyện thuộc vùng ven biển, đảo và ven biển (gọi chung là vùng biển) có dân số khoảng 29,2 triệu người, bằng 34,6% dân số cả nước; khoảng 16,9 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm 35,5% lao động cả nước (2006)<sup>3</sup>. Tỷ lệ lao động được đào tạo thấp, chưa tạo thuận lợi cho việc thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Mật độ dân số vùng biển là 373 người/km<sup>2</sup>, gấp 1,5 lần toàn quốc, nhưng người dân tập trung chủ yếu tại khu vực thành thị và khu kinh tế.

Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020<sup>4</sup> đề ra mục tiêu kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53-55% GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển. Phấn đấu

---

<sup>1</sup> QĐ 172/2007/QĐ -TTg ngày 16/11/2007 về thiên tai và công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam.

<sup>2</sup> Đề án chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, trang 7.

<sup>3</sup> Niên giám thống kê 2000-2006 của 28 tỉnh, thành phố thuộc các vùng biển, đảo và ven biển.

<sup>4</sup> Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X

thu nhập bình quân đầu người cao gấp hai lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước.

Trong thời gian qua, các vấn đề xã hội đã được quan tâm, đời sống nhân dân vùng biển ngày được cải thiện. Tuy nhiên, do điều kiện địa lý, khí hậu và đặc thù nghề nghiệp vùng biển như những người dân ở trên đảo, người dân sống làm việc trên biển dài ngày, người dân di cư đến lao động trong các khu kinh tế biển ngày càng nhiều; thường xuyên đối mặt với thiên tai, tình trạng xâm nhập mặn đã tác động không nhỏ tới đời sống của người dân. Với đặc thù của vùng biển nêu trên, người dân chưa có cơ hội và điều kiện được tiếp cận và được hưởng thụ đầy đủ các chính sách và dịch vụ xã hội cơ bản trong đó có dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình.

Trong khi đó, Chiến lược Dân số Việt Nam 2001-2010, Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010, và Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản giai đoạn 2001-2010 chưa đề cập đầy đủ đến những đặc thù của vùng biển. Mặt khác, Chiến lược biển đòi hỏi phải sử dụng các yếu tố dân số bao gồm quy mô, chất lượng, cơ cấu và phân bố dân số và là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biển để xây dựng chương trình, kế hoạch trong quá trình thực hiện. Do vậy cần phải có đề án để xử lý, đáp ứng yêu cầu của Chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Chiến lược biển Việt Nam.

Trong lĩnh vực dân số, việc kiểm soát dân số bao gồm kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát chất lượng dân số, kiểm soát cơ cấu dân số và kiểm soát phân bố dân số. Đề án này chỉ tập trung hỗ trợ các hoạt động nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình của người dân do đặc điểm của vùng biển; nâng cao chất lượng dân số khi sinh (trước và ngay sau sinh); tăng cường thu thập và cung cấp thông tin dân số, kế hoạch hoá gia đình nhằm kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát chất lượng dân số và nguồn lao động, tổ chức không gian kinh tế và phân bố dân cư cho các hoạt động kinh tế - xã hội hướng biển, hoạt động kinh tế biển (hoạt động kinh tế trên biển và các hoạt động kinh tế trên đất liền ven biển), các khu kinh tế (khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu du lịch...) phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng các vùng biển, đảo và ven biển.

#### **\* *Khái quát tình hình dân số, chăm sóc SKSS/KHHGD***

Dân số vùng biển khoảng 29,2 triệu người, trong đó phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ khoảng 8,3 triệu người; phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng khoảng 5,1 triệu người (năm 2006). Về lĩnh vực dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại vùng biển còn nhiều hạn chế, bất cập:

**Một là**, tỷ suất sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên của các huyện đảo và ven biển cao hơn các huyện khác trong cùng tỉnh và cao hơn mức bình quân của cả nước, nhất là khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ<sup>5</sup>; còn tới 13/28 tỉnh, thành phố ven biển (chiếm khoảng 44% dân số vùng biển) chưa đạt mức sinh

---

<sup>5</sup> Báo cáo của các tỉnh, thành phố ven biển năm 2006.

thay thế (năm 2006)<sup>6</sup>; nhu cầu sinh con của các cặp vợ chồng vùng biển còn cao, nhất là sinh con trai. Vì vậy, thực hiện mục tiêu giảm sinh ở các xã ven biển vẫn là nhiệm vụ trọng tâm trong nhiều năm tới.

**Hai là**, dân di cư đến vùng biển để lao động và sinh sống ngày càng đông. Từ năm 2000 đến năm 2006, mật độ dân số vùng biển tăng thêm 34 người/km<sup>2</sup> (từ 339 người/km<sup>2</sup> lên 373 người/km<sup>2</sup>); trong khi đó mật độ dân số cả nước chỉ tăng thêm 20 người/km<sup>2</sup> (từ 234 người/km<sup>2</sup> lên 254 người/km<sup>2</sup>).

**Ba là**, tỷ suất chết mẹ, mang thai ngoài ý muốn còn cao; tỷ lệ mắc các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục còn cao;

**Bốn là**, số trẻ em sinh ra bị dị tật, dị dạng và thiếu năng trí tuệ còn đáng lo ngại, do: (1) Đa số các phụ nữ chuẩn bị kết hôn hoặc trước khi sinh, sống trong môi trường biển, ngập mặn chưa được tư vấn và khám để ngăn ngừa những yếu tố nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai và chất lượng bào thai; (2) Trẻ sơ sinh chưa được phát hiện và can thiệp điều trị sớm các bệnh lý chuyển hoá, di truyền.

**Năm là**, cơ sở vật chất, mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ở cấp xã còn yếu và thiếu, chưa phù hợp với đặc điểm môi trường và khí hậu biển, không bền vững. Đáng chú ý hiện vẫn còn một số xã ven biển, đảo chưa có trạm y tế, 19,7% trạm y tế xã chưa có bác sỹ<sup>7</sup>.

**Sáu là**, các hoạt động xây dựng và củng cố hệ thống tin quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình quốc gia chưa phủ các huyện đảo; chưa thu thập được thông tin quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình với người dân làm ăn, sinh sống trên biển và người dân đến các khu kinh tế biển. Do đó, các thông tin quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình chưa hỗ trợ được cho việc hoạch định chính sách kinh tế - xã hội tại vùng biển.

**\* Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập nêu trên là:**

**Một là**, lao động đặc thù nghề biển luôn phải tiếp xúc với môi trường có độ ẩm cao, thiếu nước ngọt và ô nhiễm; nhu cầu lao động nam giới cao, phải đi làm ăn xa nhà dài ngày, có nhiều rủi ro, dễ tiếp xúc với các đối tượng có hành vi nguy cơ cao.

**Hai là**, tâm lý, tập quán, nhận thức của người dân vùng biển còn hạn chế về mang thai, sinh sản và phòng ngừa các yếu tố có nguy cơ cao ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của bào thai và trẻ sơ sinh.

**Ba là**, cơ sở y tế cấp xã tại các vùng ven biển, đảo chưa tổ chức cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình thường xuyên và có chất lượng do cán bộ y tế còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực, không cập nhật kiến thức; trang thiết bị chưa đầy đủ; điều kiện địa lý khó khăn, ảnh hưởng của môi trường biển, chi phí đầu tư cao; chưa đáp ứng nhu cầu của người lao động tại khu kinh tế biển, âu thuyền, cảng cá và điểm có đông người lao động nhập cư.

**Bốn là**, Chương trình mục tiêu Quốc gia về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản chưa đủ điều kiện giải quyết các đặc thù, đặc điểm kinh tế, xã hội của vùng biển, của người dân sống

<sup>6</sup> Kết quả điều tra biến động dân số, nguồn lao động và kế hoạch hóa gia đình 1/4/2006 - Tổng cục Thống kê

<sup>7</sup> Báo cáo của các tỉnh, thành phố ven biển năm 2006.

trên đảo, ven biển, người lao động trên biển, tại các cửa sông, cửa biển, người di dân đến lao động tại khu kinh tế biển.

Từ nay đến năm 2020, thực hiện Chiến lược biển Việt Nam, Nhà nước sẽ tập trung đầu tư phát triển hệ thống cảng biển, khu kinh tế hướng biển, khu công nghiệp tập trung... tại vùng biển. Quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ diễn ra mạnh mẽ, nhu cầu lao động công nghiệp - dịch vụ tăng lên, dẫn đến hiện tượng di dân, dịch chuyển lao động tới vùng biển ngày càng nhiều.

Dự báo, năm 2010 dân số vùng biển khoảng 31,1 triệu người, năm 2015 khoảng 33,8 triệu người và năm 2020 là 36,8 triệu người. Tỷ lệ phát triển dân số bình quân thời kỳ 2009-2020 là 1,6-1,7%/năm, trong đó tăng do di dân khoảng 0,5-0,6%. Dân số đô thị sẽ tăng lên 75% vào năm 2020. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân sẽ tăng lên 15,4 triệu người vào năm 2010; 16,2 triệu người vào năm 2015 và 17 triệu người vào năm 2020. Với sự hình thành các khu kinh tế biển theo định hướng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 sẽ làm trầm trọng hơn tình trạng quá tải hay khoảng trống trong việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người dân, nhất là người lao động nhập cư, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

## **PHẦN THỨ NHẤT**

### **NHỮNG NỘI DUNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN 52**

Ngày 9/4/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 52/2009/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020 (gọi tắt là Đề án 52).

#### **1. MỤC TIÊU**

##### **1.1. Mục tiêu tổng quát**

Kiểm soát quy mô dân số và chất lượng dân số các vùng biển, đảo và ven biển, góp phần thực hiện thắng lợi chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình và các mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Quy mô dân số các vùng biển, đảo và ven biển không vượt quá 32 triệu người vào năm 2010, 34 triệu người vào năm 2015 và 37 triệu người vào năm 2020.

- Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại các vùng biển, đảo và ven biển áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70% vào năm 2010, 72% từ năm 2015 đến năm 2020.

- Tỷ lệ người làm việc và người dân sinh sống trên đảo, ven biển, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế thuộc khu vực đảo, ven biển và trên biển được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình đạt 60% vào năm 2010, 80% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em tại các vùng biển, đảo và ven biển bị dị dạng, dị tật và thiếu năng trí tuệ do rối loạn chuyển hoá và do di truyền giảm bình quân hàng năm khoảng 5% trong giai đoạn 2011 - 2020.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu về dân số và kế hoạch hoá gia đình tại các vùng biển, đảo và ven biển, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình, yêu cầu xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của địa phương và trung ương.

## **2. PHẠM VI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Thực hiện Đề án tại 148 quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (102 huyện, 8 quận, 9 thị xã, 17 thành phố ven biển trực thuộc tỉnh và 12 huyện đảo) của 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương (Phụ lục kèm theo).

## **3. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

Người làm việc và người dân sinh sống trên đảo, ven biển, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế thuộc khu vực đảo, ven biển và trên biển; ưu tiên các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, thanh niên, người dân sống, làm việc tại cửa sông và ven biển.

## **4. NHIỆM VỤ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU**

Gồm 6 nhiệm vụ và các hoạt động chủ yếu sau:

- (1) Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hoá gia đình ở các vùng biển, đảo và ven biển;
- (2) Nâng cao chất lượng dân số khi sinh tại các vùng biển, đảo và ven biển;
- (3) Hỗ trợ phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn;
- (4) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý;
- (5) Tăng cường và nâng cao hiệu quả truyền thông về dân số, sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình;
- (6) Nâng cao hiệu quả quản lý Đề án.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU 2 NĂM TRIỂN KHIA ĐỀ ÁN 52**

Dưới đây là một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án 52.

#### **1. THUẬN LỢI**

- Đề án 52 giai đoạn 2009-2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 52/2009/QĐ-TTg ngày 9/4/2009.

- Các Đề án về phát triển kinh tế xã hội đối với các vùng biển đảo đang được Đảng, Chính phủ quan tâm, vì vậy Đề án 52 rất được sự quan tâm của các bộ, ban ngành kể cả từ khâu xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch.

- Hỗ trợ tích cực của 28 tỉnh/thành phố thuộc địa bàn Đề án. Hầu hết các tỉnh đã phê duyệt Đề án giai đoạn 2009-2020; phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2009 và 2010, giao 100% kinh phí theo phân bổ của trung ương để thực hiện Đề án 52 của tỉnh. Đặc biệt Có 11 tỉnh, thành phố hỗ trợ thêm kinh phí từ nguồn của địa phương (Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế,

Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận và Kiên Giang) với tổng số 6.445 triệu đồng. Riêng tỉnh Kiên Giang đã hỗ trợ cho các hoạt động của Đề án 52 tại tỉnh trong hai năm 2009 và 2010 với tổng kinh phí là 3.631 triệu đồng.

## **2. KHÓ KHĂN**

- Do lao động đặc thù nghề biển luôn phải tiếp xúc với môi trường có độ ẩm cao, thiếu nước ngọt và ô nhiễm; nhu cầu lao động nam giới cao, phải đi làm ăn xa nhà dài ngày, có nhiều rủi ro, vì vậy nhu cầu sinh con của các cặp vợ chồng vùng biển còn cao, nhất là sinh con trai.

- Cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ở cấp xã còn yếu và thiếu, chưa phù hợp với đặc điểm môi trường và khí hậu biển, không bền vững. Đáng chú ý hiện vẫn còn một số xã ven biển, đảo chưa có trạm y tế, 19,7% trạm y tế xã chưa có bác sỹ<sup>8</sup>.

- Đặc điểm địa lý của nhiều đảo có dân sinh sống xa đất liền, giao thông đi lại khó khăn.

- Thông tin số liệu đầu vào của địa bàn vùng biển, đảo và ven biển chưa được cập nhật đầy đủ.

## **3. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2009 ĐẾN NAY**

### **3.1. Tại Trung ương**

#### **3.1.1. Công tác chỉ đạo điều hành**

BQL Đề án phối hợp với các đơn vị trong Tổng cục Dân số KHHGD và Bộ Y tế đã tham mưu, trình lãnh đạo bộ và tổng cục ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Đề án 52:

- Công văn số 3719/BYT-TCDS ngày 14/6/2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn kế hoạch 2009 thực hiện Đề án kiểm soát dân số vùng biển;

- Công văn số 3720/BYT-TCDS ngày 14/6/2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xây dựng Đề án kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển của tỉnh, thành phố;

- Công văn số 6549/BYT-TCDS ngày 25/9/2009 của Bộ Y tế gửi Bộ Tài chính về việc đề nghị hướng dẫn thủ tục giải ngân kinh phí thực hiện Đề án 52 tại địa phương;

- Ngày 9/12/2009 ban hành thông tư liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Y tế số 233/2009/TTLT-BTC-BYT về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020.

- Tháng 6 năm 2009, tổ chức Hội nghị triển khai Đề án 52 tại Nghệ An. Được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Quốc Triệu, Tổng cục DS-KHHGD đã tổ chức Hội nghị do Thứ trưởng Nguyễn Bá Thuỷ chủ trì với sự tham gia của 170 đại biểu từ các vụ, đơn vị của Tổng cục DS-KHHGD, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch đầu tư, Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản của 28 tỉnh/thành phố ven biển.

- Năm 2010, Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả sau 1 năm triển khai Đề án 52 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu cho giai đoạn 2011-2015 (Tổ chức tại TP. Đà Nẵng và TP.HCM).

---

<sup>8</sup> Báo cáo của các tỉnh, thành phố ven biển năm 2006.

### **3.1.2. Thực hiện các hoạt động**

- Sản xuất và phát sóng tuyên truyền, vận động về công tác kiểm soát dân số các vùng biển đảo và ven biển trên kênh Đài truyền hình Việt Nam: 12 tin, bài và phóng sự trên kênh VTV1; 15 tin bài, phóng sự, 02 chương trình kết nối vì cuộc sống, 10 chương trình chuyên ngành Y phát trên kênh VCTV10 - O2TV; Sản xuất và phát sóng 37 chương trình tuyên truyền, vận động về công tác kiểm soát dân số các vùng biển đảo và ven biển trên các kênh của Đài Tiếng nói Việt Nam; Xây dựng và đăng tải hơn 100 tin bài và sản xuất hơn 10.000 cuốn chuyên san “Công dân biển - Sức khỏe biển” do Thông tấn xã Việt nam thực hiện để cung cấp cho các Lãnh đạo đảng chính quyền và các tổ chức xã hội thuộc địa bàn Đề án; sản xuất Bản tin Dân số vùng biển, đảo và ven biển do Báo Gia đình xã hội thực hiện đã xuất bản được 4 kỳ, mỗi kỳ khoảng trên 18.000 bản. Ngoài ra còn xây dựng và đăng tải hơn 500 tin bài, ảnh và phóng sự tuyên truyền, vận động về công tác kiểm soát dân số các vùng biển đảo và ven biển đăng tải trên các ấn phẩm của các Báo/tạp chí: ngân hàng tin – Thông tấn xã VN, Báo Nhân dân, Báo Sức khỏe đời sống, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí và báo điện tử thi đua khen thưởng Ban thi đua khen thưởng TW - Bộ Nội vụ; Báo Biên phòng- Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, tạp chí Thủy sản – TW Hội nghề cá Việt Nam.

- Triển khai các điều tra, khảo sát về thông tin số liệu đầu vào của địa bàn vùng biển, đảo và ven biển như: điều tra đánh giá thông tin cơ bản về truyền thông giáo dục đặc thù của vùng biển, đảo và ven biển; khảo sát thực trạng đánh giá các chỉ số đầu vào; xây dựng bản đồ về dân số, năng lực mạng lưới y tế, khu vực địa lý (ven biển, đảo, vùng đầm phá, ngập mặn, cửa sông, cảng cá, âu thuyền, vịnh chài...) tại địa bàn đề án; khảo sát, đánh giá các yếu tố tác động của môi trường biển đối với cơ cấu bệnh tật đặc thù vùng biển đảo, vùng ngập mặn; Khảo sát các yếu tố phong tục tập quán và nghề nghiệp tác động tới thái độ và hành vi sinh sản của người dân vùng biển, ven biển; khảo sát nhu cầu thông tin quản lý về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại địa bàn dự án; tổng quan, phân tích, thiết kế hệ thống thông tin quản lý về Dân số- Kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ trẻ em tại địa bàn đề án các vùng biển, đảo và ven biển.

- Thiết kế các mô hình can thiệp như: (1) Thiết kế, thử nghiệm mô hình cung cấp dịch vụ và tư vấn về chăm sóc sức khỏe BMTE, SKSS/KHHGD cho người làm việc tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, ở các vùng biển đảo và ven biển; (2) Thiết kế, thử nghiệm mô hình cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe BMTE/KHHGD lưu động tại các khu vực: đảo, ven biển, đầm phá/ngập mặn, vịnh chài; (3) Thiết kế, thử nghiệm mô hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em/KHHGD tại khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, vịnh chài; (4) Thiết kế và thử nghiệm mô hình kết hợp quân dân y cung cấp dịch vụ chăm sóc SKBMTE, KHHGD tại các xã đảo, huyện đảo; (5) Thiết kế, thử nghiệm mô hình truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, KHHGD cho nhóm dân cư yếu thế hiện đang sinh sống tại các xã vùng biển, đảo và ven biển.

- Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử phục vụ cho công tác điều hành và quản lý đề án kiểm soát dân số vùng biển đảo và ven biển trên website của Tổng cục DSKHHGD.

- Biên soạn cuốn Thông điệp vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về kiểm soát dân số các vùng biển đảo và ven biển; Biên soạn và nhân bản 16.900 cuốn sách mỏng những nội dung chủ yếu của đề án kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển cấp mẫu cho các tỉnh thành phố thuộc địa bàn đề án; Sản xuất và nhân bản 04 tờ gấp (1.635.000 tờ) và 05 loại áp phích (50.000 tờ) về truyền thông kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển cấp cho 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương.

- Tổ chức sự kiện truyền thông với chủ đề “ Những người con của biển” với sự tham gia của khoảng 500 đại biểu gồm: đại diện các cơ quan trung ương (Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Tổng cục DS-KHHGD), đại diện Sở Y tế, Trung tâm SKSS và Chi cục DS-KHHGD 28 tỉnh/TP thuộc địa bàn đề án 52; đại diện trung tâm DS-KHHGD 149 quận/huyện thuộc địa bàn đề án. Sự kiện truyền thông được tổ chức tại tỉnh Quảng Ninh từ ngày 28-29/11/2009.

### **3.2. Tại địa phương**

Dưới đây là kết quả tổng hợp nhanh của các tỉnh, thành phố về báo cáo tình hình và kết quả thực hiện đề án 52 đến thời điểm 25/5/2010 theo công văn số 376/TCDS-ĐA52 ngày 27/5/2010 của Tổng cục DS-KHHGD.

#### **3.2.1. Một số thông tin cơ bản về địa bàn Đề án 52**

Phạm vi thực hiện Đề án: tại 151 quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (101 huyện, 9 quận, 11 thị xã, 18 thành phố ven biển trực thuộc tỉnh và 12 huyện đảo) của 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương

#### **3.2.2. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn triển khai**

- Ủy ban nhân dân 28/28 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009 - 2020 của tỉnh, thành phố (Theo công văn số 3720/BYT-TCDS, ngày 14/9/2009 của Bộ Y tế).

- Thành lập các Ban quản lý Đề án của tỉnh và các Tiểu ban quản lý Đề án 52 cấp huyện.

- 28/28 tỉnh đã phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

#### **3.2.3. Tóm tắt một số kết quả đạt được**

Nhiệm vụ “Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hoá gia đình ở vùng biển, đảo và ven biển”.

- Tính đến tháng 5/2010 tổng số trong 28 tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương đã có 138 Đội lưu động được thành lập trong năm 2009 và 2010.

- 20/28 tỉnh, thành phố (71,4%) đã thành lập đủ các Đội lưu động cho các huyện thuộc địa bàn Đề án 52 của tỉnh.

- Về lực lượng tham gia đội lưu động và kết quả đạt được:

+ Các thành viên tham gia Đội lưu động là các cán bộ được lựa chọn từ các Trung tâm DS - KHHGD, bệnh viện huyện (chủ yếu từ khoa Sản của bệnh viện huyện), Trung tâm Y tế huyện và có sự tham gia của một số Trạm Y tế xã trong địa bàn Đề án 52.



+ Tổng số có 1.041 người đã được huy động tham gia vào 138 Đội lưu động (trung bình 8 người/đội lưu động). Số lượng cán bộ mỗi Đội lưu động có độ dao động từ 4 người (Phú Yên) đến 15 người (Nam Định).

+ 62.774 bà mẹ mang thai đã được khám thai; 432.990 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã được khám phụ khoa và các dịch vụ KHHGD. Trong đó 86,0% các dịch vụ được thực hiện tại Trạm Y tế xã và 14,0% được thực hiện tại các xe lưu động.

+ 31.102 trẻ em qua báo cáo của 7 tỉnh, thành phố (Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Đà Nẵng, Quảng Nam và Phú Yên) đã được các Đội lưu động khám kiểm tra sức khỏe và điều trị các bệnh thông thường.

*Nhiệm vụ: “Nâng cao chất lượng dân số khi sinh tại các vùng biển, đảo và ven biển”.*

- Lập danh sách phụ nữ mang thai, phân loại đối tượng theo tiền sử gia đình, mẹ sống trong môi trường độc hại, mẹ nghiện rượu, nghiện thuốc lá, tình trạng sinh con lần trước, tổ chức quản lý thai nghén, những yếu tố có liên quan đến chất độc màu da cam... 9 tháng qua đã có 3.163 bà mẹ mang thai có nguy cơ cao vùng biển, đảo và ven biển đã được khám và điều trị (qua tổng hợp báo cáo của 15 tỉnh, thành phố).

- Tổ chức khám thai định kỳ, siêu âm thai, cấp viên sắt, cấp gói đẻ sạch (3.592 gói đẻ sạch đã được cấp), tiêm phòng uốn ván... Phát hiện các yếu tố có nguy cơ ảnh hưởng đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng của bào thai (dị dạng, dị tật...).

*Nhiệm vụ “Hỗ trợ phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn”*

Đối tượng truyền thông là cộng đồng nói chung, tuy nhiên tập trung tuyên truyền trong các đối tượng là vị thành niên từ 14 đến 25 tuổi chưa kết hôn, vị thành niên ngoài nhà trường, vị thành niên chưa có việc làm, hoặc có việc làm không ổn định ở các xã ven biển.

Có 12.783 phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 49 tuổi đã tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ.

Tổ chức khám và điều trị các bệnh phụ khoa, các bệnh lây truyền qua đường tình dục cho 285.500 trường hợp (theo báo cáo của 22 tỉnh, thành phố). Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với các cơ sở dịch vụ. Thực hiện một số xét nghiệm như siêu âm, soi tươi (80.558 trường hợp), làm phiến đồ âm đạo (18.057 trường hợp).

*Nhiệm vụ “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý”*

- Tổ chức điều tra, khảo sát thu thập xử lý và cập nhật thông tin đầu vào, bổ sung những thông tin dữ liệu quản lý dân cư vùng biển, đảo và ven biển. Xác định các điểm thông tin, biện pháp thu thập thông tin phù hợp với địa hình các khu vực đảo, cửa biển, cảng cá, đầm phá, ngập mặn, khu kinh tế, khu du lịch biển...

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách của các xã tham gia triển khai kho dữ liệu điện tử. Đào tạo kỹ thuật vận hành kho dữ liệu điện tử, phương pháp sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm MIS – 2009H. Từng bước hoàn thiện và vận hành kho dữ liệu điện tử chuyên ngành. Theo báo cáo của 21 tỉnh/thành phố, đã tổ chức được 70 lớp tập huấn về hệ thống thông tin quản lý, vận hành kho dữ liệu điện tử và các kỹ thuật có liên quan khác.

Một số tỉnh, thành phố đã mua sắm trang bị mới một số trang thiết bị (máy tính, máy chủ, máy in...) phục vụ cho công tác thông tin quản lý.

*Nhiệm vụ “Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình”*

- Truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng có trên địa bàn tỉnh, xây dựng các chương trình, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục trên báo chí, phát thanh, truyền hình của địa phương. Đã sản xuất và phát sóng, đăng tải 14.562 tin, bài tuyên truyền, vận động về công tác kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Nói chuyện chuyên đề tại cộng đồng, trong các nhà trường, các tổ chức tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng, trưởng họ, trưởng tộc, đến các nơi tập trung đông ngư dân... với tổng số 3.158 buổi.

- Phối hợp với bộ đội biên phòng lồng ghép các hoạt động tuyên truyền trong ngư dân, đặc biệt là các xã ven biển và các xã đảo, tổ chức giao lưu văn nghệ, tổ chức các hoạt động tư vấn. 10/28 tỉnh, thành phố đã triển khai hoạt động phối hợp này, với 110 buổi truyền thông lồng ghép, tư vấn và giao lưu văn nghệ.

- Biên soạn và nhân bản các tài liệu truyền thông theo định hướng của trung ương, có hiệu chỉnh và xây dựng các thông điệp truyền thông phù hợp với thực tiễn địa phương. Đã sản xuất và nhân bản 1.761.024 tài liệu truyền thông cung cấp đến các đối tượng đích.

*Nhiệm vụ “Nâng cao hiệu quả quản lý Đề án”*

- Tiến hành các hoạt động điều tra, khảo sát xác định các chỉ số đầu vào để phục vụ công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Đề án 52 tại địa phương.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách, cộng tác viên các xã trong phạm vi địa bàn Đề án 52 về kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, tư vấn, biện pháp quản lý đối tượng.

- Phân công cán bộ thuộc các phòng chuyên môn của Chi cục DS - KHHGD tỉnh theo dõi, hỗ trợ cho hoạt động của Đề án 52 cấp huyện và xã, tham dự giao ban và tham gia các hoạt động của các huyện, xã.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, cùng cơ sở giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kịp thời chỉnh lý những sai sót và đôn đốc tiến độ.

#### **3.2.4. Một số khuyến nghị, đề xuất của các tỉnh, thành phố**

- Tăng cường đầu tư, trang bị đồng bộ cho các Đội lưu động các trang thiết bị chuyên môn (như máy siêu âm xách tay, máy xét nghiệm sinh hoá, kính hiển vi...) nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ khám, điều trị, dịch vụ KHHGD và các trang thiết bị truyền thông.

- Hỗ trợ phương tiện đi lại (ô tô) để phục vụ các nhiệm vụ của đề án, đặc biệt là việc triển khai các Đội lưu động đến cơ sở thực hiện nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu chăm sóc SKBMTE/KHHGD.

- Tăng thêm kinh phí hoạt động của Đề án 52 tại các tỉnh, thành phố, bổ sung kinh phí hoạt động truyền thông, kinh phí tổ chức và duy trì hoạt động câu lạc bộ, hỗ trợ kinh phí phụ cấp thêm cho cộng tác viên.

- Tăng cường hội thảo rút kinh nghiệm, nhất là trong những năm đầu triển khai Đề án. Tổ chức giao lưu học tập.

- Đưa các tỉnh, thành phố thuộc Đề án 52 vào chương trình thực hiện triển khai các mô hình Sàng lọc sơ sinh nhằm phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ “Nâng cao chất lượng dân số khi sinh”.

- Trung ương xây dựng những bộ phim khoa học làm tài liệu truyền thông; xây dựng và cung cấp các tài liệu truyền thông mang tính đặc thù vùng biển (về chủ đề, thông điệp, nội dung truyền thông thay đổi hành vi...).

## **PHẦN THỨ BA**

### **1. ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, trong giai đoạn 2011-2015 cần triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, hoạt động chủ yếu của Đề án nhằm phấn đấu đạt mức sinh thay thế trong toàn vùng; nâng cao chất lượng dân số; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình. Nâng cao chất lượng thông tin quản lý về dân số và kế hoạch hoá gia đình; thí điểm và nhân rộng một số loại hình, mô hình; tổ chức các hoạt động hỗ trợ cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý thực hiện Đề án từ Trung ương đến địa phương;

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền vận động nhằm tạo thuận lợi về môi trường chính sách, đầu tư nguồn lực và tạo dư luận xã hội cho tổ chức thực hiện Đề án. Chú trọng kênh truyền thông trực tiếp, lấy đội ngũ cộng tác viên và tuyên truyền viên DS-KHHGD, y tế cơ sở làm lực lượng chủ đạo.

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình can thiệp có hiệu quả, xây dựng các mô hình can thiệp mới phù hợp trong việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe BMTE/KHHGD. Ưu tiên tổ chức Đội lưu động y tế - KHHGD tuyến huyện.

- củng cố hệ thống thu thập dữ liệu, thông tin phục vụ việc xây dựng kế hoạch, quản lý và tổ chức triển khai hoạt động.

- Tăng cường, phối hợp kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương để thực hiện các nhiệm vụ và các hoạt động của Đề án 52.

### **2. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **2.1. Đối với Bộ Y tế và Bộ Tài chính**

Bố trí kinh phí đủ để đáp ứng với nhu cầu thực tế trong quá trình triển khai Đề án 52, đặc biệt là chi cho các nội dung và mức chi đặc thù, chi hỗ trợ cho đội ngũ làm công tác DS-KHHGD cơ sở (CBCT và CTV) theo thông tư 233.

Đề nghị tăng cường đầu tư, trang bị đồng bộ cho các Đội lưu động các trang thiết bị chuyên môn (như máy siêu âm xách tay, máy xét nghiệm sinh hoá, kính hiển vi...) nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ khám, điều trị, dịch vụ KHHGD và các trang thiết bị truyền thông.

Đề nghị hỗ trợ phương tiện đi lại (ô tô) để phục vụ các nhiệm vụ của đề án, đặc biệt là việc triển khai các Đội lưu động đến cơ sở thực hiện nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu chăm sóc SKBMTE/KHHGD.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và bố trí nguồn lực để đáp ứng với nhu cầu thực tế trong quá trình triển khai Đề án 52.

## **2.2. Đối với Sở Y tế (Chi cục DS-KHHGD) các tỉnh, thành phố**

Tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp nhằm huy động thêm nguồn lực địa phương để thực hiện nhiệm vụ của Đề án 52.

Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn về chuyên môn thực hiện Đề án 52 của Tổng cục DSKHHGD và Bộ Y tế.

Nghiên cứu tình hình thực tế của địa phương, đề xuất các mô hình can thiệp mới để trung ương nghiên cứu cho áp dụng thử nghiệm và nhân rộng.

Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo đầy đủ và có chất lượng

## **3. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỀ ÁN**

Triển khai Đề án, việc kiểm soát dân số, kiểm soát chất lượng dân số, nâng cao chất lượng nguồn lao động sẽ từng bước được cải thiện, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao, đảm bảo phát triển kinh tế biển và an ninh, quốc phòng theo định hướng của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ. Cụ thể là:

- Góp phần trực tiếp thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 là “Phấn đấu trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53-55% tổng GDP cả nước; đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển; thu nhập bình quân đầu người cao gấp 2 lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước”<sup>9</sup> và định hướng: “Sớm xây dựng chính sách đặc biệt để thu hút và khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra đảo định cư lâu dài và làm ăn dài ngày trên biển, vừa phát triển kinh tế, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển của Tổ quốc”.

- Tạo mối quan hệ hữu cơ giữa Đề án Kiểm soát dân số với các Đề án có liên quan mật thiết đã nêu trong Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30/5/2007 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Một khi dân số và nguồn nhân lực vừa là một lực lượng triển khai, vừa là đối tượng thụ hưởng của các Đề án, nhất là đối với các Đề án là đòn bẩy phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ tại vùng biển, đảo và ven biển. Điển hình là các công trường, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế tập trung, khu du lịch, dịch vụ nghề biển, âu thuyền, cảng cá...

- Đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình và các chương trình chăm sóc sức khoẻ nhân dân khác, việc triển khai Đề án sẽ góp phần khắc phục những hạn chế đã nêu trong văn bản Đề án này; tạo nên sự triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả hơn công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại vùng biển, đảo và ven biển.

---

<sup>9</sup> Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Đầu tư cho Đề án Kiểm soát dân số sẽ góp phần giảm sinh. Theo tính toán đến năm 2020, triển khai Đề án sẽ tránh sinh được khoảng 800 nghìn đến 1 triệu trường hợp tại 148 huyện của địa bàn Đề án. Với phương pháp đánh giá chi phí/hiệu quả cho chương trình DS- KHHGD, hiệu quả kinh tế của Đề án sẽ ước tính sẽ giảm 7.000 tỷ đồng không phải đầu tư cho công tác văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, y tế (hiệu quả chi phí được tính là  $1/8,2^{10}$ ; và khi ước đầu tư của Đề án là 876.142 tỷ đồng). Thêm vào đó, các hoạt động thực hiện tại Trung ương để hỗ trợ cho các hoạt động của địa phương chỉ chiếm khoảng 9% tổng số mức đầu tư, các hoạt động của Đề án chủ yếu được thực hiện tại các xã đảo, xã ven biển và xã có nhiều lao động nhập cư làm việc trong các khu kinh tế biển, chiếm khoảng 65% tổng mức đầu tư.

Việc triển khai đề án không chỉ đạt mục tiêu giảm sinh mà còn giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, tử vong sơ sinh, tử vong trẻ em, nạo phá thai ...và nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực tại vùng biển, đảo và ven biển; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. Các nhóm đối tượng đích sẽ được hưởng các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD và dịch vụ y tế khác gần hơn, dễ tiếp cận hơn. Bà mẹ và trẻ em được tư vấn và chăm sóc y tế để cải thiện sức khỏe, phòng chống lây nhiễm HIV và tệ nạn xã hội khác; giảm số lượng sơ sinh có dị tật dị dạng, giảm gánh nặng về chi phí và xã hội để chăm sóc người tàn tật. Tạo động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế, xã hội và khẳng định ưu thế của kinh tế biển.

- Góp phần phát triển kinh tế tại 28 tỉnh trong địa bàn triển khai đề án. Dân số ổn định sẽ là cơ sở để phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống. Cung cấp thông tin DS-KHHGD cho Ủy ban nhân dân, các sở, ban ngành phục vụ xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách, quy hoạch mạng lưới dịch vụ xã hội cơ bản sát với hiện trạng dân số và cơ cấu dân số.

- Góp phần giữ vững an ninh quốc phòng các vùng biển, đảo và ven biển, đưa người dân ra các đảo và sinh sống lâu dài, cùng với việc quản lý người lao động trên biển sẽ là chỗ dựa vững chắc cho lực lượng an ninh quốc phòng./.

---

<sup>10</sup> Báo cáo hiệu quả/chi phí chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình, 2001, Ủy ban QG DS-KHHGD.